

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2018/DS-ST
Ngày: 29-3-2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nhơn;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ;
2. Ông Nguyễn Như Quang.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thành Long – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.

Ngày 29 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 70/2017/TLST-DS ngày 10 tháng 11 năm 2017 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trịnh Văn Qu; địa chỉ: tổ 10, phường N, thành phố P, tỉnh Gia Lai; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Bà Bùi Thị Th; địa chỉ: thôn 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt không có lý do.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Ông Nguyễn Văn H; địa chỉ: thôn 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai; vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo Đơn khởi kiện ngày 13-10-2017 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, ông Trịnh Văn Qu là nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 29-3-2016, bà Bùi Thị Th trú tại thôn 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai có vay của ông số tiền 38.800.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng), không tính lãi. Mặc dù trong giấy vay tiền có viết tên của ông Nguyễn Văn H, là chồng của bà Th nhưng thực tế khi bà Th vay tiền không có mặt ông H, ông H không biết và không liên quan đến số tiền bà Th vay của ông. Bà Th hẹn với ông đến ngày 30-12-2016 sẽ hoàn trả cho ông số tiền đã vay

nhưng đến hạn, bà Th không có khả năng trả nợ và tiếp tục xin ông cho khất nợ đến tháng 02-2017, tuy nhiên cho đến nay bà Th vẫn không trả tiền cho ông như đã hẹn.

Nay ông yêu cầu bà Th có nghĩa vụ trả nợ cho ông số tiền 38.800.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng) và không yêu cầu bà Th phải trả tiền lãi.

2. Bà Bùi Thị Th là bị đơn và ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều lần triệu tập họp lệ đến Tòa án để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà Th, ông H đều vắng mặt không có lý do. Bà Th, ông H cũng không có văn bản gì để thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ông Qu.

3. Tại phiên tòa, ông Qu giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử buộc bà Th phải trả nợ cho ông Qu số tiền 38.800.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Ông Trịnh Văn Qu có đơn khởi kiện đề ngày 13-10-2017 đối với bà Bùi Thị Th, đơn khởi kiện của ông Qu đảm bảo về hình thức, nội dung, bà Th cư trú tại thôn 1, thị trấn K, huyện G, tỉnh Gia Lai nên Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát cùng cấp tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án không có Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là đúng quy định.

[3] Bà Bùi Thị Th là bị đơn và ông Nguyễn Văn H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do đến lần thứ hai nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Th, ông H là đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Tại “Giấy vay tiền ngày 29-3-2016” thể hiện bà Bùi Thị Th có vay của ông Trịnh Văn Qu số tiền 38.800.000 đồng, thời hạn trả nợ là tháng 02-2017, phía dưới mục “Bên vay tiền” có chữ ký và ghi họ tên “Bùi Thị Th”. Mặc dù trong nội dung của “Giấy vay tiền ngày 29-3-2016” có ghi tên của ông Nguyễn Văn H (là chồng của bà Th) nhưng theo lời trình bày của ông Qu thì khi bà Th vay tiền không có mặt ông H, ông H không biết và không liên quan đến việc bà Th vay của ông Qu số tiền 38.800.000 đồng vào ngày 29-3-2016. Do đó ông H

không có nghĩa vụ liên đới cùng bà Th trả nợ số tiền vay 38.800.000 đồng cho ông Qu.

[5] Căn cứ nội dung của “Giấy vay tiền ngày 29-3-2016” thì giữa bà Th và ông Qu đã xác lập hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và không có thỏa thuận về lãi suất. Thời điểm ông Qu, bà Th xác lập hợp đồng vay tài sản, Bộ luật Dân sự năm 2015 chưa có hiệu lực áp dụng nên cần áp dụng Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết khi có tranh chấp phát sinh. Do bà Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng hạn nên ông Qu khởi kiện yêu cầu bà Th phải trả nợ số tiền 38.800.000 đồng là đúng quy định tại Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Qu, buộc bà Th có nghĩa vụ trả nợ cho ông Qu số tiền 38.800.000 đồng.

[6] Ông Qu không yêu cầu bà Th phải trả tiền lãi của số tiền 38.800.000 đồng, đây là quyền tự định đoạt của đương sự nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tiền lãi trong vụ án này.

[7] Bà Bùi Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 38.800.000 đồng x 5% = 1.940.000 đồng.

Hoàn trả cho ông Trịnh Văn Qu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Buộc bà Bùi Thị Th có nghĩa vụ trả nợ cho ông Trịnh Văn Qu số tiền 38.800.000 đồng (Ba mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Bà Bùi Thị Th phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.940.000 đồng (Một triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng).

Ông Trịnh Văn Qu không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông Qu toàn bộ số tiền tạm ứng án phí là 970.000 đồng (Chín trăm bảy mươi nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0000445 ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- VKSND huyện G;
- CCTHADS huyện G;
- Lưu: HSVA, VT-LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Nguyễn Thành Nhơn